

NGHỊ QUYẾT
HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Đà Nẵng được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2022;

Căn cứ Quy chế Quản trị Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Đà Nẵng được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2022;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Đà Nẵng ngày 26/6/2025,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024 và phương hướng hoạt động năm 2025.

Điều 2. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2024.

Điều 3. Thông qua Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 với các chỉ tiêu chính như sau:

1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024:

STT	Chỉ tiêu chính	Kế hoạch 2024 (Nghị quyết 09/NQ-ĐHĐCĐ)	Thực hiện 2024	Tăng (+), giảm (-) (%)
1	Khối lượng rác thu gom, vận chuyển, xử lý thực hiện (tấn)	529,793	520.769	-1,7%
2	Doanh thu (tỷ đồng)	271,265	273,021	+0,65%
3	Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	7,530	7,894	+4,8%
4	Tỷ lệ chia cổ tức/Vốn điều lệ (%)	5%	5,5 %	10%
5	Thu nhập bình quân của người lao động (triệu đồng/người/tháng)	8,287 (thực hiện năm 2023)	8,657	+ 4,46%

2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025:

2.1. Chỉ tiêu tài chính kinh doanh năm 2025:

STT	Chỉ tiêu	THỰC HIỆN NĂM 2024	KẾ HOẠCH NĂM 2025	KH 2025/ TH 2024 Tăng (+), Giảm (-)
-----	----------	-----------------------	----------------------	--

A	Tổng doanh thu	273.021.590.874	274.624.878.514	+0,587%
1	Doanh thu cung cấp dịch vụ	264.057.930.639	270.425.859.996	+2,41%
2	Doanh thu cung cấp dịch vụ (ngoài đặt hàng)	6.936.485.175	3.462.962.963	-50,08%
3	Thu khác	2.027.175.060	736.055.556	-63,69%
B	Tổng chi phí	265.127.411.112	266.402.603.631	+0,48%
I	Chi phí trực tiếp sản xuất	248.960.998.079	250.110.490.297	+0,46%
II	Giá vốn	11.818.183	0	-100,00%
III	Chi phí quản lý doanh nghiệp	15.525.605.470	15.738.247.734	+1,37%
IV	Chi phí khác	628.989.380	553.865.600	-11,94%
C	Lợi nhuận trước thuế	7.894.179.762	8.222.274.883	+4,1%

- Tỷ lệ chia cổ tức tối thiểu 6%.

2.2. Dự án đầu tư, mua sắm tài sản, phương tiện

- Mua sắm 01 xe ủi phục vụ san ủi tại bãi rác Khánh Sơn (năm 2024 chưa mua do chờ kết quả đấu thầu);

- Đầu tư 06 xe ép rác 3,5 -4,5 tấn (04 xe: 3,5 tấn, 2 xe: 4,5 tấn) kiểu cặp thùng, nắp đáy phục vụ công tác cơ giới hóa;

- Mua sắm 01 xe quét đường;

- Mua sắm 01 xe hút bùn bể phốt thay thế xe đã xuống cấp thanh lý phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Điều 4. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC.

Điều 5. Biểu quyết thông qua các nội dung chính của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông năm 2025, như sau:

1. Trích lập các quỹ, phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2024

- Lợi nhuận sau thuế: 6.781.333.460 đồng, được phân bổ như sau:

+ Bù đắp lợi nhuận sau thuế âm do điều chỉnh số liệu từ quý 4 năm 2015 đến năm 2018: 300.000.000 đồng;

+ Trích Quỹ đầu tư phát triển: 1.191.237.198 đồng;

+ Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi: 1.959.616.262 đồng;

+ Trích Quỹ khen thưởng của người quản lý: 155.000.000 đồng;

+ Chia cổ tức: **3.175.480.000** đồng (Tỷ lệ cổ tức/ Vốn điều lệ = 5,5%). Đại hội đồng cổ đông thống nhất chia hết cổ tức bằng tiền VNĐ, giao Hội đồng quản trị quyết định thời điểm chốt danh sách cổ đông, thời điểm chi trả cổ tức theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

2. Số liệu tiền lương, thù lao, thưởng năm 2024 và mức tiền lương kế hoạch năm 2025 của Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban Kiểm soát (BKS) như sau:

a) Số liệu về mức tiền lương, thù lao, thưởng HĐQT, BKS thực hiện năm 2024:

Tổng tiền lương, thù lao và thưởng của HĐQT, BKS năm 2024 là: **1.407.200.000** đồng. Trong đó, tổng tiền lương, thù lao là 1.387.200.000 đồng và tổng tiền thưởng là 20.000.000 đồng.

b) Tạm thời thông qua mức tiền lương kế hoạch của HĐQT, BKS năm 2025:

Tổng tiền lương của HĐQT, BKS là: 1.387.200.000 đồng. Trong đó:

- Tiền lương HĐQT chuyên trách (3 người): 900.000.000 đồng;
- Tiền lương HĐQT không chuyên trách (2 người): 105.600.000 đồng;
- Tiền lương của Kiểm soát viên chuyên trách (1 người): 276.000.000 đồng;
- Tiền lương của Kiểm soát viên không chuyên trách (2 người): 105.600.000 đồng.

c) Quỹ tiền lương, Quỹ thù lao và Quỹ tiền thưởng của người quản lý Công ty thực hiện theo: Nghị định số 44/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ và Thông tư số 003/2025/TT-BNV ngày 28/4/2025 của Bộ Nội vụ.

d) Thống nhất uỷ quyền cho HĐQT Công ty phê duyệt Quyết toán tiền lương, thù lao, thưởng thực hiện năm 2024 và mức tiền lương kế hoạch năm 2025 của HĐQT, BKS sau khi nhận được văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền.

3. Thống nhất chọn Công ty TNHH Kiểm toán và kế toán AAC là đơn vị kiểm toán độc lập Báo cáo Tài chính năm 2025 của Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Đà Nẵng.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Đại hội đồng cổ đông thống nhất giao Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo đơn đốc, theo dõi thực hiện các nội dung đã được cổ đông thống nhất, biểu quyết thông qua tại cuộc họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2025 theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ, Quy chế của Công ty.

3. Quý cổ đông Công ty; Thành viên: Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát; Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Đà Nẵng chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Như Khoản 3, Điều 6;
- UBCK Nhà nước;
- UBND TP Đà Nẵng;
- Các Sở: NN&MT, TC;
- Website Công ty;
- Lưu: VT, HĐQT.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CHỦ TỌA



Phạm Thanh Phúc
Chủ tịch HĐQT